

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công.
2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 378/2018/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Minh P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Anh P, chị T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh P trình bày: Anh với chị T sống chung với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống. Đến khoảng năm 2016, chị T đã ra ngoài sống riêng, anh có nhiều lần đi rước chị T về để hàn gắn

tình cảm nhưng không được nên đã ly thân cho đến nay. Nay anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự ngày 26/8/2018, bị đơn chị T trình bày: Chị với anh P chung sống với nhau khoảng 15 năm nhưng vì anh P qua lại với vợ cũ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau nhiều lần nên chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống cho đến nay. Nay anh P yêu cầu ly hôn thì chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh P và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P và chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh P xác định không có. Chị T xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung chị T không trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Minh P và chị Nguyễn Thanh T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15873 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh P đã thi hành xong án phí.

3. Anh P, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND huyện Ca;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An,
huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức